**Câu 1: Muốn in dữ liệu, ta nháy chọn?**

1. Dải lệnh View chọn nhóm lệnh Workbook View.
2. Dải lệnh File chọn lệnh Print.
3. Cả a và b đều sai.
4. Cả a và b đúng.

**Câu 2: Cho A1 = 30, B1 = 9, C1 = 18.**

**Kết quả của hàm = MIN(MAX(A1,C1), SUM(B1,C1))?**

1. 12 b) 30. c)30. d) 27.

**Câu 3: Em hãy điền tên dạng biểu đồ trong hai hình vẽ dưới đây:**



Hình 1………… Hình 2………

**Câu 4: Để mở trang tính mới ta thực hiện nút lệnh nào sau đây?**

a)  (Paste) c)  (Cut)

b)  (Copy) d)  (New)

**Câu 5: Chỉnh sửa biểu đồ bao gồm:**

1. Thay đổi dạng biểu đồ và vị trí của biểu đồ;
2. Thêm thông tin giải thích của biểu đồ;
3. Xóa biểu đồ;
4. Tất cả các câu trên đều đúng.

**Câu 6: Muốn tô màu chữ dữ liệu, nháy nút?**

a)  b) c) d)

**Câu 7: Để điều chỉnh ngắt trang ta sử dụng lệnh gì trong dải lệnh View?**

1. Page Setup c) Page Layout
2. Page Break Preview d) Tất cả đều sai

**Câu 8: Một số dạng biểu đồ là:**

1. Biểu đồ cột;
2. Biểu đồ hình tròn;
3. Biểu đồ đường gấp khúc;
4. Tất cả các câu trên đều đúng.

Hãy chọn câu trả lời đúng.

**Câu 9: Để chọn hướng giấy in, ta sử dụng hộp thoại Page Setup và trang …?**

1. Margins c) Sheet
2. Header d) Page

**Câu 10: Cho A2 =2, B2 =10, C2 =6.**

**Kết quả của hàm**

 **= SUM(A2,B2) – AVERAGE(A2:C2)?**

1. 3. b) 25. c) 6. d) 16.

**Câu 11: Đâu là giao diện của trò chơi bảng chữ cái (ABC) trong Typing Master**

a)  c) 

b)  d) 

**Câu 12:Khi vẽ biểu đồ, chương trình bảng tính mặc định vẽ?**

1. Ô đầu tiên.
2. Hàng đầu tiên của bảng số liệu.
3. Cột đầu tiên của bảng số liệu.
4. Toàn bộ dữ liệu.

**Câu 13: Muốn điều chỉnh ngắt trang trong Excel ta thực hiện?**

1. Vào dải lệnh View chọn nhóm lệnh Page Break Preview.
2. Vào dải lệnh File chọn lệnh Print.
3. Cả a và b đều sai.
4. Cả a và b đúng.

**Câu 14: Phần mềm Typing Master dùng để?**

1. Học địa lí.
2. Luyện gõ phím nhanh bằng 10 ngón.
3. Học toán.
4. Học hình học.

**Câu 15: Muốn tô nền ô chứa dữ liệu, nháy nút?**

a)  b)  c)  d)

**Câu 16: Muốn nhập công thức vào bảng tính, cách nhập nào là đúng?**

a) 152 + 4 : 2 c) 15^2+4/2

b) = 152 + 4 : 2 d) = 5^2 + 4/2

**Câu 17: Để xác định giá trị nhỏ nhất, ta chọn?**

a) =MAX(A2:C2) c) =MIN(A2:C2)

b) =SUM (A2:C2) d) =AVERAGE(A2:C2)

**Câu 18: Nút sắp xếp dữ liệu theo chiều giảm dần:**

a)  c) 

b)  d) 

**Câu 19: Để cắt nội dung của một ô tính ta thực hiện nút lệnh nào sau đây?**

a)  (Paste) c)  (Cut)

b)  (Copy) d)  (New)

**Câu 20: Phím tắt để sử dụng lệnh in là gì?**

1. Ctrl +B b) Shift + P c) Ctrl +P d)Shift + B

**Câu 21:** **Để lưu 1 trang trính ta cần sử dụng lệnh nào sau đây?**

a) Vào dải lệnh File/Open

1. Vào dải lệnh File/Exit
2. Vào dải lệnh File/Save
3. Vào dải lệnh File/Print

**Câu 22: Muốn lọc các hàng (hoặc các cột) có giá trị lớn nhất trong bảng tính, ta nháy chọn?**

1. Number Filter chọn Equals…
2. Number Filter chọn Top 10…
3. Number Filter chọn Less Than…
4. Cả 3 ý trên đều sai.

**Câu 23: Cho A1=8, B1=7, C1=3,**

**Tính= MAX(A1:C1) + MIN(A1:B1)**

a) 19 b) 3 c) 15 d) 13

**Câu 24: Để tính tổng các ô E3 và F7, sau đó nhân với 30% ta thực hiện bằng công thức nào sau đây?**

1. E3 + F7 \* 30%. c) (E3 + F7) \* 30%
2. = (E3 + F7) \* 30% d) =E3 + (F7 \* 30%)

**Câu 25: Cho A1=8, B1=17, C1=23.**

**Tính= SUM(B1:C1) – AVERAGE(A1:C1)**

a) 22 c) 9

b) 14 d)24

**Câu 26: Muốn chọn 2 khối khác nhau, ta chọn khối thứ nhất và ấn giữ phím … và chọn khối thứ 2?**

1. Alt b) Ctrl c) Shift d) Space

**Câu 27: Hãy cho biết  dùng nút lệnh nào?**

 a)  b)  c)  d)

**Câu 28: Trên trang tính, các ký tự chữ cái A,B,C,…. được gọi là:**

a) Tên hàng.     b) Tên ô.

c) Tên cột.     d) Tên khối

**Câu 29: Trên trang tính, các ký tự chữ cái 1,2,3,…. được gọi là:**

a) Tên hàng.     b) Tên ô.

c) Tên cột.     d) Tên khối

**Câu 30: Hàm =Average(4,10,16) sẽ cho kết quả là bao nhiêu?**

a) 30 b) 4 c) 10 d) 0

**II. TỰ LUẬN**

**Câu 1: Trình bày các bước lọc dữ liệu?**

* Nháy chuột vào một ô có dữ liệu cần lọc.
* Vào dải lệnh **Data / Filter** trong nhóm **Sort & Filter.**
* Nháy chuột vào biểu tượng trên hàng tiêu đề có giá trị cần lọc / nháy Ok

**Câu 2: Hãy trình bày các bước sắp xếp dữ liệu?**

* Nháy chuột chọn một ô trong cột cần sắp xếp.
* Nháy dải lệnh **Data** / nhóm lệnh **Sort & Filter / nháy**  để sắp xếp dữ liệu theo chiều tăng dần hoặc nháy nút  để sắp xếp dữ liệu theo chiều giảm dần.

**Câu 3: Nêu một số dạng biểu đồ thường dùng và công dụng của chúng?**

* Biểu đồ cột: So sánh dữ liệu có trong nhiều cột
* Biểu đồ tròn: Mô tả tỉ lệ của các giá trị dữ liệu
* Biểu đồ gấp khúc: So sánh dữ liệu và dự đoán xu thế tăng giảm của dữ liệu

**Câu 4: Nêu các bước tạo biểu đồ?**

* Chọn miền dữ liệu cần tạo biểu đồ.
* Nháy dải lệnh **Insert** / trong nhóm **Chart**
* Nháy chọn nhóm biểu đồ và dạng biểu đồ phù hợp.

**Câu 5: Chức năng của các nút lệnh**

 Chọn phông chữ

 In đậm

 Chọn màu nền

**** Canh giữa

 Sao chép dữ liệu

 Dán dữ liệu

 Lưu trang tính

**** In nghiêng

 Canh trái

**** Di chuyển dữ liệu

 **Câu 5: Viết hàm và tính kết quả:**



|  |  |
| --- | --- |
| Viết hàm tính **TỔNG ĐIỂM** bạn **LÝ BẢO**=SUM(C3:E3) | Kết quả 16 |
| Viết hàm tính **TRUNG BÌNH** môn **TOÁN** =AVERAGE(C3:C5) | Kết quả 6 |
| Viết hàm xác định giá trị **LỚN NHẤT** môn **VĂN**=MAX(D3:D5) | Kết quả 8.5 |
| Viết hàm xác định giá trị **NHỎ NHẤT** môn **TIN HỌC**=MIN(E3:E5) | Kết quả 2.5 |

**DẶN DÒ:**

**- Học sinh tìm hiểu thêm sách giáo viên và sắp xếp thời gian học và làm bài.**

**- Không bắt buộc nộp bài làm cho giáo viên bộ môn.**

**- Học sinh có khó khăn, thắc mắc cần hỗ trợ liên hệ với giáo viên bộ môn:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ tên GV** | **Zalo** | **Email** | **Lớp phụ trách** |
| Thầy Chiến | 0793401514 | phanquangchien151289@gmail.com |  7/05, 7/07, 7/08, 7/09, 7/10, 7/11 |
| Cô Loan | 0909383528 | nguyencamloan423@gmail.com | 7/02, 7/06, 7/15 |
| Cô Phượng  | 0903922035 | dtvuphuong@gmail.com | 7/12, 7/13 |
| Cô Thảo | 0984960190 | thaotinttv@gmail.com | 7/01, 7/03, 7/04, 7/14 |